

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/ DS-PT

Ngày: 16/8/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Cao Ngọc Quý** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:* Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 118/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị R**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện nguyên đơn là anh Trần Minh Hoan H trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Hồ Thị L có tham gia 08 dây hui của chị Mai Thị R là chủ hui sau khi chốt các khoản nợ hui gồm: 56.790.000đ hui lúa; 51.000.000đ hui tháng. Tổng cộng: 107.790.000đ. Bà L còn thiếu nợ 810.000đ nên chốt lại biên nhận cộng hai khoản lại

bà L còn nợ 108.600.000đ và bà L có viết biên nhận nợ ngày 10/11/2021. Theo Kết luận giám định Số: 407/KL-KTHS ngày 08/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh V là: chữ viết L, người thiếu và một mùa chả cho R 1.000 một triệu là do bà L viết ra còn những chữ viết còn lại do chị R viết. Chị R không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không phải là con liệt sĩ.

Nay anh Trần Minh Hoan H đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Hồ Thị L trả chị Mai Thị R số tiền nợ còn lại là 108.600.000đ không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị L trình bày: Bà L có tham gia của chị Mai Thị R hai dây hụi như sau:

+ Dây hụi 1.000.000đ/tháng gồm 17 hụi viên khai ngày 01/10/2019 (dl), bà L đã hốt rồi còn nợ lại 03 kỳ chưa đóng nhưng chỉ trả vốn thôi là 700.000đ (Kêu hụi 300.000đ) là 2.100.000đ.

+ Dây hụi mùa 5.000.000đ gồm 14 hụi viên khai ngày 10/01/2019 (al), bà L hốt đầu tiên và đóng được 05 lần hụi chết còn lại 08 kỳ chưa đóng. Do bề hụi nên chỉ trả gốc: $3.000.000đ \times 08 \text{ kỳ} = 24.000.000đ$.

Tổng cộng: 26.100.000đ.

Theo đơn khởi kiện trình bày bà L tham gia 08 dây hụi là không đúng chỉ có tham gia hai dây hụi nêu trên.

Bà L không có thiếu 810.000đ như nguyên đơn trình bày.

Biên nhận mà nguyên đơn trình bày viết ngày 10/11/2021 là không phải mà Biên nhận ghi hụi mùa 2014. Bà L đồng ý theo Kết luận giám định Số: 407/KL-KTHS ngày 08/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh V là: chữ viết L, người thiếu và một mùa chả cho R 1.000 một triệu là do bà L viết ra. Những chữ viết và chữ số còn lại trong biên nhận ai viết thì bà L không biết.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Hồ Thị L chỉ đồng ý trả số tiền 26.100.000đ. Bà L không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không phải là con liệt sĩ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

- Điều 144, Điều 147, Điều 150 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 16, Điều 17, Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị R.
- Buộc bà Hồ Thị L trả chị Mai Thị R số tiền 108.600.000đ (Một trăm lẻ tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử lý về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, bị đơn là bà Hồ Thị L đã có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, bà L chỉ đồng ý trả nguyên đơn số tiền 26.100.000đ, không đồng ý trả nguyên đơn số tiền hui 108.600.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà L trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà không đồng y trả cho bà R số tiền 108.600.000 đồng, và chỉ đồng ý trả cho bà R 26.100.000 đồng.

Bà R có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Kiểm sát viên phân tích nội dung chứng cứ và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà L còn trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà R có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bà R theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn cho rằng bà L có chơi hui với bà R nhiều lần, đến ngày 10/11/2021 bà L và bà R kết nợ và có ghi biên nhận nợ: bà L nợ bà R số tiền

bằng chữ là *một trăm linh tám triệu sáu trăm ngàn đồng*, bà L cho rằng bà có chơi hụi với bà R số tiền hụi 02 đây vào năm 2019 là 26.100.000 đồng, biên nhận nợ do bà ký tên vào năm 2014, số tiền trong biên nhận bà đã trả xong, phía nguyên đơn không thừa nhận. Ngoài lời trình bày của bà L không có chứng cứ gì để chứng minh bà L đã trả tiền cho bà R theo biên nhận đó, đồng thời theo kết luận số 407/KL-KTHS ngày 08/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh V xác định chữ viết do bà L viết ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng thừa nhận bà có ký tên vào biên nhận do bà R cung cấp, bà cũng không cung cấp được chứng cứ khác, nên án sơ thẩm xử là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: bà L nộp theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng bà L nộp theo biên lai thu số 0004970 ngày 24/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L sẽ được khấu trừ vào án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 150 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 16, Điều 17, Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị R.

2/ Buộc bà Hồ Thị L trả chị Mai Thị R số tiền 108.600.000đ (Một trăm lẻ tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành nếu những người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: bà L nộp theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng bà L nộp theo biên lai thu số 0004970 ngày

24/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L sẽ được khấu trừ vào án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- Chánh án 01;
- TAND huyện L 01;
- THADS huyện L 01;
- Các DS 02;
- VP 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đăng